

VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG FDI CỦA NHẬT BẢN VÀO MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á

NGUYỄN XUÂN THIÊN*

Đặt vấn đề

Trong số các nhà đầu tư nước ngoài vào các nước Đông Nam Á, các công ty Nhật Bản đóng vai trò quan trọng. Trong rất nhiều nền kinh tế ở khu vực, Nhật Bản là nước dẫn đầu về FDI. Đầu tư trực tiếp nước ngoài đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của các nước này từ giữa những năm 80 thế kỷ trước cho đến nay. FDI mang đến cho các nước tiếp nhận không chỉ nguồn vốn đầu tư mà còn cả công nghệ, kỹ năng quản lý, đây là những yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hơn thế nữa, FDI còn giúp các nước tiếp nhận được sử dụng mạng lưới bán hàng, mua hàng và thông tin của các công ty nước ngoài, thông qua đó các nước này đạt được hiệu quả sản xuất và marketing. Từ những năm 1990, các công ty Nhật Bản đóng vai trò mạnh mẽ trong việc giúp Thái Lan trở thành một trong những cơ sở sản xuất hàng chế tạo chính ở ASEAN. Các công ty

Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất ô tô và công nghiệp điện tử, điện máy đã đưa Thái Lan vào trong mạng lưới sản xuất khu vực của họ ở Đông Á. Ví dụ, Toyota đã đặt nhà máy lớn nhất của mình ở Thái Lan, cũng đặt các cơ sở sản xuất khuôn động cơ xăng ở Indônêxia, bánh lái trợ lực ở Malaixia, bộ truyền lực và hộp số ở Philippin, thiết bị máy diesel và máy đập hình nổi lên thân ô tô ở Thái Lan. Các nước Đông Nam Á đã thực hiện chính sách tự do hóa FDI sau một thời gian dài thực hiện chính sách hạn chế để tận dụng những lợi ích mà FDI mang lại. Trên thực tế, Nhật Bản đóng vai trò chính trong sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á và vai trò này không bị giảm sút thậm chí với cuộc khủng hoảng tài chính 1997 và 1998⁽¹⁾.

Lý do các công ty Nhật Bản đầu tư vào Đông Nam Á có rất nhiều. Sự gần gũi về mặt địa lý là nguyên nhân quan trọng, nhưng không phải là tất cả. Cơ hội kinh doanh từ triển vọng kinh tế sáng sủa của

* PGS.TS. Nguyễn Xuân Thiên. Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

các nước này, đồng thời nguồn lao động dồi dào, rẻ có kỷ luật tốt đã thu hút các công ty Nhật Bản. Hơn thế nữa, các khoản trợ giúp của chính phủ Nhật Bản cho các nước Đông Nam Á để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút các công ty Nhật Bản quan tâm đến khu vực này.

Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997 ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế cũng như mối quan hệ kinh tế của các nước Đông Nam Á với các nước khác, trong đó có Nhật Bản. Xu hướng FDI của các công ty Nhật Bản vào các nước này cũng có sự thay đổi đáng kể từ sau khủng hoảng, vì vậy bài viết này sẽ phân tích theo hai giai đoạn: trước khủng hoảng tài chính châu Á và sau khủng hoảng. Sự phân chia như vậy không chỉ cho thấy sự phát triển theo thời gian mà còn cho thấy những nhân tố đằng sau sự phát triển này. Các nước Đông Nam Á được lựa chọn phân tích không có Việt Nam.

1. Trước khủng hoảng tài chính châu Á 1997

FDI của Nhật Bản vào các nước Đông Nam Á tăng đều đặn từ đầu thập kỷ 90 (xem Phụ lục bảng 1). Sự tăng trưởng ổn định của FDI của Nhật Bản vào các nước châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng do hai nguyên nhân chính: sự lên giá của đồng Yên Nhật Bản và triển vọng phát triển các hoạt động kinh tế ở các nước này.

Khi đồng Yên bị tăng giá so với đồng đô

la, khả năng cạnh tranh về giá của các công ty sản xuất tại Nhật Bản giảm, vì vậy các công ty sản xuất hàng xuất khẩu đã chuyển hoạt động sản xuất của họ ra nước ngoài. Trong khi đó, các nước ASEAN chủ yếu thực hiện chế độ tỷ giá neo với đồng đô la Mỹ, vì vậy đã hấp dẫn các nhà đầu tư Nhật Bản. Hơn thế nữa, nhiều nước ASEAN đã thực hiện tự do hóa đầu tư trực tiếp nước ngoài, sử dụng chính sách tài khóa và các công cụ khác để thu hút FDI do những lợi ích về nguồn vốn, công nghệ và quản lý thu được từ các công ty đầu tư trực tiếp nước ngoài⁽²⁾.

Theo The Edge Xingapo (7 tháng 2 năm 2005) đánh giá FDI của Nhật Bản là một nguồn quan trọng đối với nền kinh tế Malaixia và Xingapo, là một nhân tố sống còn đối với việc nâng cao công nghệ.

FDI của Nhật Bản vào Xingapo tăng mạnh từ đầu những năm 90 cho đến năm 1997. Tỷ trọng của Xingapo trong tổng FDI của Nhật Bản vào châu Á tăng từ 9,6% năm 1993 lên 15% năm 1997. Phần lớn lượng FDI tăng thêm này chảy vào ngành hóa chất và sản xuất bán dẫn.

FDI của Nhật Bản vào bốn nước ASEAN cũ (Thái Lan, Malaixia, Indônêxia và Philippin) cũng tăng mạnh từ năm 1993 đến năm 1997. Trong số bốn nước ASEAN này (ASEAN4), FDI của Nhật Bản vào Indônêxia và Thái Lan có mức tăng mạnh nhất từ đầu những năm 1990 đến 1997. Theo báo cáo hàng năm của Bộ tài chính Nhật Bản, FDI của Nhật Bản vào Indônêxia từ 95 tỷ Yên năm 1993

Bảng 1: FDI của Nhật Bản theo nước
(100 triệu Yên)

	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Trung Quốc	587	511	787	1381	1954	2683	4319	2826	2438	1363	838	1099	1802	2 152	3 553	4 909
Indonéxia	840	1615	1628	2142	952	1808	1548	2720	3086	1378	1024	457	576	644	732	334
Thái Lan	1703	1696	1107	849	680	749	1196	1581	2291	1755	910	1034	1102	614	711	1 273
Malaisia	902	1067	1202	919	892	772	555	644	971	658	586	256	320	98	523	135
Philippin	269	383	277	210	236	683	692	630	642	485	688	506	946	500	222	341
Xingapo	2573	1232	837	875	736	1101	1143	1256	2238	815	1073	468	1223	917	364	768
Hong Kong	2502	2610	1260	966	1447	1179	1106	1675	853	770	1083	1034	370	253	447	687
Đài Loan	662	653	554	376	343	292	439	587	552	287	318	563	399	457	172	515
Hàn Quốc	799	419	357	291	289	420	433	468	543	387	1093	899	680	763	321	908
Châu Á	11003	10343	8107	8316	7672	10084	11921	13083	14948	8357	7988	6555	7730	6910	7 233	10 091
Mỹ	43691	38402	24671	17993	16936	18016	21845	24789	25486	13207	24868	13413	7970	014	11 955	5 027
Bắc Mỹ	45485	39958	25763	18972	17591	18525	22394	25933	26247	14011	27629	13562	8081	299	12 072	5 198
Anh	6989	9959	4945	3853	2946	2259	3332	3873	5054	12522	13070	21155	4965	5 378	2 018	1 924
Châu Âu	19727	20975	12832	9176	9204	6525	8281	8305	13749	17937	28782	26974	13 228	807	14268	13 934
Mỹ La tinh	6991	5289	4547	3525	3889	5499	3741	5008	7775	8274	8295	5783	9583	7005	5948	6849
Tổng số	90339	83527	56862	44313	41514	42808	49568	54094	66229	52169	74390	53 690	39 548	930	40 795	38 210

Nguồn: Tổng hợp dữ liệu từ Bộ Tài chính Nhật Bản

lên 308 tỷ Yên năm 1997 và của Thái Lan cũng trong thời gian đó từ 68 tỷ Yên lên 229 tỷ Yên, kết quả là tỷ trọng của các nước này trong FDI của Nhật Bản vào châu Á tăng: từ 12,4% năm 1993 lên 20,64% năm 1997 cho Indônêxia và Thái Lan tương ứng là 8,86% lên 15,32%. Indônêxia đã giành lại được vị trí nước hấp dẫn nhất FDI Nhật Bản ở châu Á sau khi bị mất vị trí này vào tay Trung Quốc năm 1993. FDI của Nhật Bản vào Malaixia và Philippin cũng có sự tăng trưởng, nhưng so với Indônêxia và Thái Lan thì tương đối nhỏ.

2. Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997

Khủng hoảng tài chính châu Á bắt đầu từ sự kiện mất giá nhanh chóng của đồng Baht Thái Lan ngày 2 tháng 7 năm 1997. Khủng hoảng từ Thái Lan nhanh chóng lây lan sang các nước châu Á khác. Khủng hoảng làm thay đổi sâu sắc môi trường đầu tư trực tiếp nước ngoài ở các nước bị khủng hoảng. Nói cách khác, sự mất giá ổn định của đồng tiền của một nước sẽ làm hấp dẫn FDI vào các nước này. Các công ty nước ngoài chuyên sản xuất hàng xuất khẩu sẽ bị hấp dẫn đầu tư vào sản xuất tại các nước đồng tiền bị mất giá dẫn đến việc khả năng cạnh tranh về giá của nước đó tăng lên. Hơn thế nữa, sự mất giá của đồng tiền của một nước làm giảm số lượng tiền cần đầu tư tại nước đó. Trong một nền kinh tế khủng hoảng, giá cổ phiếu của các công ty trong nước cũng giảm mạnh, kết

hợp với sự mất giá của đồng tiền trong nước, các công ty nước ngoài có thể mua cổ phiếu của các công ty trong nước đang bị bán tháo với giá rẻ. Tuy nhiên, trái ngược với những ảnh hưởng như vậy, cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997 không khuyến khích FDI vào các nước này. Đối với các công ty nước ngoài tập trung vào bán hàng trong nước, sự giảm lâu dài trong các hoạt động kinh tế trong nước đã làm giảm sự hấp dẫn của các nền kinh tế gặp khủng hoảng đối với FDI. Thêm vào đó, hậu quả của khủng hoảng này là việc gia tăng những bất ổn trong môi trường kinh tế vĩ mô không khuyến khích được FDI vì các nhà đầu tư nước ngoài lo ngại rủi ro tiềm ẩn, một yếu tố quan trọng quyết định đến quyết định đầu tư.

Nhìn chung, FDI của Nhật Bản vào khu vực Đông Nam Á giảm đi sau khủng hoảng. Tuy vậy, tỷ trọng của FDI của Nhật Bản trong các nước này vẫn duy trì ở mức cao do sự giảm sút mạnh mẽ của FDI Mỹ và châu Âu ở khu vực này.

FDI của Nhật Bản vào Thái Lan, Malaixia, Indônêxia và Philippin giảm đáng kể sau khủng hoảng, từ 699 tỷ Yên năm 1997 xuống còn 225 tỷ Yên năm 2000 trước khi tăng lên 294 tỷ Yên năm 2001. Trong số bốn nước này, Indônêxia có mức sụt giảm FDI từ Nhật Bản mạnh nhất, từ 308 tỷ Yên năm 1997 xuống còn 46 tỷ Yên năm 2000. Thái Lan cũng chịu ba năm giảm liên tiếp từ 229 tỷ Yên năm 1997 xuống còn 91 tỷ Yên năm 1999. Sự sụt giảm mạnh của FDI Nhật Bản diễn ra ở

Indônêxia và Thái Lan bắt nguồn từ các nguyên nhân dẫn đến bong bóng tài chính trong thời kỳ trước khủng hoảng và bị nổ tung trong giai đoạn sau khủng hoảng.

Triển vọng kinh tế sáng sủa của các nền kinh tế này và cơ chế tự do hóa FDI đã từng đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút số lượng lớn nguồn vốn FDI của Nhật Bản vào các nước này trong giai đoạn trước khủng hoảng. Sau khủng hoảng, triển vọng kinh tế không tốt cùng với việc nhận ra sự yếu kém của khu vực doanh nghiệp và tài chính của các nước này, mà nguyên nhân chính là do sự yếu kém trong quản lý, là những nhân tố quan trọng đằng sau sự giảm sút mạnh mẽ trong FDI của Nhật Bản vào khu vực.

Một nguyên nhân khác khiến cho FDI của Nhật Bản vào Indônêxia giảm mạnh là do những bất ổn chính trị. Ngược lại với sự giảm sút nghiêm trọng diễn ra tại Indônêxia và Thái Lan, FDI của Nhật Bản vào Malaixia và Philippin giảm tương đối từ từ. Hay nói cách khác, chiều hướng FDI của Nhật Bản vào bốn nước này trái chiều nhau giữa hai thời kỳ 1996-1997 và đầu những năm 2000. FDI của Nhật Bản vào Xingapo cũng giảm liên tục từ sau khủng hoảng. Nguyên nhân chủ yếu là do các công ty Nhật Bản coi Xingapo là trung tâm của khu vực Đông Nam Á, do đó cũng chịu chung ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng giống các nước xung quanh.

Về lĩnh vực đầu tư, FDI của Nhật Bản có một tỷ lệ đáng kể đầu tư vào lĩnh vực chế tạo tại các nước trong khu vực. Tỷ lệ

đầu tư vào lĩnh vực chế tạo cao của FDI của Nhật Bản vào các nước Đông Nam Á với tỷ lệ lớn sản phẩm để xuất khẩu cho thấy các công ty Nhật Bản đóng vai trò là nước sản xuất chính cho các nước khác trong khu vực. FDI của Nhật Bản vào Malayisa, Thái lan và Philippin tập trung vào hàng chế tạo, đặc biệt là đồ điện. Tuy nhiên, FDI của Nhật Bản vào Indônêxia lại ngược lại, chủ yếu tập trung vào ngành phi chế tạo, đặc biệt là khai thác quặng, và trong số các ngành chế tạo thì ngành hóa chất cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất. Sự khác biệt trong xu hướng đầu tư giữa các nước của các công ty Nhật Bản là do sự khác biệt về tài nguyên thiên nhiên và các chính sách đối với FDI ở mỗi nước. Tỷ trọng FDI của Nhật Bản vào ngành khai khoáng và hóa chất ở Indônêxia cao vì nước này có trữ lượng dầu mỏ và khí thiên nhiên lớn. Trong khi đó ngành ô tô ở Malaixia là do cơ chế hạn chế FDI trong lĩnh vực này.

Một xu hướng phát triển mới sau khủng hoảng trong FDI của Nhật Bản vào châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng là việc tăng vốn từ công ty mẹ ở Nhật Bản cho các liên doanh ở nước ngoài. Có hai lý do chính giải thích cho hiện tượng này: thứ nhất, các công ty mẹ ở Nhật Bản hỗ trợ tài chính cho các chi nhánh của nó ở các nước bị khủng hoảng đang phải đối mặt với những khó khăn về tài chính và đình đốn trong tiêu thụ sản phẩm; thứ hai, việc tăng FDI của các công ty Nhật Bản là phản ứng đối với việc tự do

hóa trong các chính sách FDI của các nước Đông Nam Á. Nhận thức những lợi ích FDI mang lại cho quá trình phục hồi kinh tế và tăng trưởng bền vững, các nước Đông Nam Á đã thực hiện chính sách tự do hóa nguồn vốn FDI. Trong số rất nhiều biện pháp thu hút FDI, việc giảm những hạn chế về tỷ lệ góp vốn đã làm tăng đáng kể dòng vốn FDI. Trước đây, do lo ngại khả năng các công ty nước ngoài thống trị thị trường và sản xuất trong nước nên chính phủ các nước Đông Nam Á đã hạn chế tỷ lệ góp vốn trong các liên doanh của các công ty nước ngoài. Trong nhiều ngành chính phủ cho là quan trọng, chỉ cho phép một tỷ lệ rất nhỏ. Tuy nhiên, với việc cắt giảm những hạn chế này, nhiều lĩnh vực các công ty nước ngoài có thể thành lập công ty 100% vốn nước ngoài.

FDI của Nhật Bản vào Thái Lan bắt đầu phục hồi vào năm 2000, 2001. ở Indônêxia, xu hướng trì trệ trong FDI kéo dài hơn Thái Lan. FDI của Nhật Bản vào Indônêxia có xu hướng giảm xuống từ năm 1997 đến năm 2000 và bắt đầu phục hồi vào năm 2001, nhưng khá yếu. Sự trì trệ trong tăng năng suất lao động ở Indônêxia có thể là một nguyên nhân khiến giảm FDI vào nước này cũng như đánh giá của các công ty đa quốc gia có trụ sở tại Nhật Bản đánh giá thấp triển vọng ổn định kinh tế và chính trị của nước này.

Các liên doanh hay công ty con của các công ty Nhật Bản ở Đông Nam Á cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề. Theo cuộc điều tra của JBIC 2001, các công ty Nhật

Bản đánh giá cao mức độ nghiêm trọng về sự bất ổn định tỷ giá ngoại hối ở bốn nước ASEAN4, đặc biệt là Thái Lan và Indônêxia. Các công ty Nhật Bản tại Thái Lan cũng gặp khó khăn trong việc thuê các nhà quản lý. Vấn đề này không hề giảm bớt theo thời gian. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng của Thái Lan được đánh giá là cải thiện đáng kể. Đối với các công ty Nhật Bản ở Indônêxia, sự bất ổn về chính trị và xã hội là vấn đề nghiêm trọng nhất và cho rằng vấn đề này ngày càng trở nên nghiêm trọng. Cùng với sự bất ổn chính trị xã hội và tỷ giá hối đoái, sự kém phát triển của hệ thống luật pháp và cơ sở hạ tầng ở nước này là những vấn đề nghiêm trọng đối với các công ty Nhật Bản ở Indônêxia. Những vấn đề về cơ chế hạn chế FDI, bất ổn chính trị, tỷ giá không ổn định và những khó khăn trong tuyển dụng lao động quản lý cũng là những vấn đề phải đối mặt của các công ty đầu tư ở Malaixia.

Nếu các nước ASEAN, đặc biệt là Indônêxia có thể đạt được những tiến bộ về môi trường kinh doanh đầu tư, các nước này sẽ có nhiều cơ hội thu hút các công ty xuyên quốc gia Nhật Bản để tái xây dựng mạng lưới sản xuất bán hàng hiệu quả, đồng thời khuyến khích họ lựa chọn các nước ASEAN như là địa điểm đầu tư thay thế cho Trung Quốc.

Kết luận

Sự phân tích ở trên cho thấy vai trò quan trọng của FDI Nhật Bản ở Đông Nam Á. Các nước ASEAN 5 (Singapo,

Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Philippin) đã có chính sách tốt thu hút và phát huy được vai trò tích cực của FDI Nhật Bản trong phát triển kinh tế 3 thập niên qua.

Sự gắn gũi về địa lý và chính sách tự do hóa kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện nguồn nhân lực và nâng cấp cơ sở hạ tầng là những yếu tố quan trọng tạo nên thành công thu hút FDI từ Nhật Bản của các nước Đông Nam Á.

Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của các nước ASEAN đi trước để tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả FDI của Nhật Bản, bổ sung nguồn vốn, công nghệ và thị trường mà chúng ta rất cần trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

CHÚ THÍCH

1. Kimura F. và Ando M. (2005): *International Production/Distribution Networks and FTAs*, Edward Elgar
2. Hội nghị hợp tác kinh tế châu Á Thái Bình Dương cho thấy nhiều nước APEC thực hiện cơ chế tự do hóa FDI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jeff Kingston (1993) *Bolstering the New Order: Japan's ODA Relationship with Indônêxia*, Boulder and Oxford: Westwie Press.
2. Kimura F. và Ando M. (2005) *Internatioanl Production/ Distribution Networks and FTAs*, Edward Elgar

3. Mochizuki M. (1995) *Japan as an Asia-Pacific Power*, M.E.Sharp, New York.
4. Pangestu M. và Gootptu S. (2004) *New regionalism: Options for East Asia*, World Bank and Oxford University Press, Washington D.C.
5. Patrick Strefford (2006) *Foreign Debt: Distorting Japan's ODA Diplomacy towards Myanmar*, Ritsumeikan Univeristy.
6. Rix Alan (1996) *Japan's Foreign Aid Challenge: Policy reform and Aid leadership*, New York: Routledge
7. Sunaga K. (2004) *The Reshapong of japan's Official Development Assistance (ODA)*, Discussion Paper on Development Assistance.
8. Tadahiro Yoshida (2004). *East Asian Regionalism and Japan*, JETRO, Working Paper Series 03/04-No9
9. Bộ Ngoại giao Nhật Bản. *Diplomatic Bluebook 2002* tại www.mofa.go.jp/policy/other/bluebook/index.html
10. Bộ Ngoại giao Nhật Bản, *Diplomatic Bluebook 2004* tại www.mofa.go.jp/policy/other/bluebook/index.html
11. <http://www.asean.or.jp/general/statistics/statistics04/01basic/03.html>
12. <http://mofa.go.jp/region/asia-paci/asean/year2003/summit/evaluation.html>
14. http://www.ide.go.jp/English/Publish/Apec/pdf/apec15_wp9.pdf
15. http://www.iie.com/publications/chapters_preview/3iie3381.pdf
16. <http://www.adb.org/Documents/Books/ADO/2003/mya.asp>
17. *JBIC Annual reports từ 1995 đến 2005* tại http://devdata.worldbank.org/AAG/mr_aag.pdf
18. *JBIC (2005) Annual reports 2005* tại <http://www.jbic.go.jp/japanese/base/achieve/nenji/2005/index.php>